

NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ CỦA HỌC SINH SINH VIÊN THEO GIỚI TÍNH

TẠ THÚY LAN - TRẦN THỊ LOAN
Đại học Sư phạm - ĐHQGHN

I. Đặt vấn đề:

Việc nghiên cứu, đánh giá sự phát triển trí tuệ đã được chú ý từ lâu. Ngày nay, v nghiên cứu trí tuệ đã được ứng dụng vào nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau như trong v tuyển chọn học sinh vào các trường học, trong việc chẩn đoán và chữa bệnh, trong việc pl công lao động và tuyển người làm,...

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu đánh giá sự phát triển trí tuệ cũng đã được chú ý. Tr những năm gần đây đã có nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu vấn đề này. Năm 1989, T Trọng Thủy đã tiến hành tìm hiểu trí tuệ của học sinh bằng test Raven và đã khẳng định " Raven hoàn toàn có thể sử dụng được ở Việt Nam và sử dụng có kết quả".

Năm 1990, Ngô Công Hoàn cũng sử dụng test Raven để nghiên cứu sự phát triển tuệ ở học sinh phổ thông và xác định test Raven có thể dùng để sơ tuyển học sinh lớp chuy và phân loại các lớp học ở các khối trong trường phổ thông. Năm 1990 - 1995, Tạ Thuý l và Võ Văn Toàn nghiên cứu mối tương quan giữa sự phát triển trí tuệ và hình ảnh điện i đồ ở học sinh phổ thông. Ngoài ra còn nhiều tác giả khác cũng đã công bố kết quả nghiên trí tuệ của mình ở một số khía cạnh.

Để góp phần nghiên cứu sự phát triển trí tuệ của người Việt Nam, chúng tôi t hành nghiên cứu đánh giá sự phát triển trí tuệ của học sinh, sinh viên theo giới tính. Đây một vấn đề chưa được nghiên cứu ở Việt Nam. Mục đích của công trình nghiên cứu này nhằm tìm ra những đặc điểm phát triển trí tuệ của học sinh, sinh viên theo giới tính. Qua đánh giá được đặc điểm phát triển trí tuệ của nam giới và nữ giới, để làm cơ sở cho v chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ phụ nữ và trẻ em.

II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

1. Đối tượng nghiên cứu

Tổng số học sinh, sinh viên được nghiên cứu là 1890. Trong đó:

- Học sinh nông thôn là 622 học sinh, gồm:
 - + 480 học sinh phổ thông trung học cơ sở (nông thôn Thái Bình)
 - + 142 học sinh phổ thông trung học (nông thôn Hà Tĩnh)
- Học sinh thành phố: 906 học sinh. Gồm:
 - + 647 học sinh phổ thông trung học cơ sở
 - + 148 học sinh phổ thông trung học
 - + 111 học sinh phổ thông tiểu học

- 362 sinh viên hệ tại chức khoa Giáo dục tiểu học, trường đại học Sư phạm - ĐHQGHN.

Đối tượng nghiên cứu được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên và đảm bảo là những sinh khỏe mạnh bình thường, không có bệnh thần kinh hoặc tâm thần.

2. Phương pháp nghiên cứu :

Phương pháp chủ yếu được dùng để nghiên cứu là phương pháp trắc nghiệm.

- Để đo trí tuệ của học sinh, sinh viên , chúng tôi sử dụng phương pháp trắc nghiệm test Raven bộ A,B,C,D,E. Test Raven là một test đo trí tuệ do J.C Raven xây dựng năm 1900 và đã được chuẩn hoá nhiều lần. Hiện nay test Raven được sử dụng rộng rãi trên trẻ em và người trưởng thành, người già hoặc trong nghiên cứu nhân chủng học và trong ngành y học. Đây là test phi ngôn ngữ nên có tính khách quan và khả năng loại trừ cao những khác biệt về văn hoá, xã hội của khách thể nghiên cứu thuộc các quốc gia, dân tộc khác nhau cũng thuộc cùng một quốc gia, một dân tộc. Hơn nữa, kỹ thuật tiến hành test này đơn giản, ít đòi hỏi thời gian.

Test Raven gồm 60 khuôn hình liên tiếp, được chia thành 5 bộ. Mỗi bộ có quy luật tự nhiên đặc thù. Cả 5 bộ bao gồm đầy đủ những quy luật của tư duy, cho nên người thực hiện bộ test được thể hiện khả năng trí tuệ của mình.

Chúng tôi sử dụng test với tư cách là một test đo năng lực trí tuệ nên không hạn chế thời gian và được tiến hành theo nhóm. Mỗi nhóm gồm 5 học sinh ngồi cách xa nhau và mỗi học sinh phải hoàn toàn độc lập test của mình.

Thời gian và thời điểm nghiên cứu cũng như những điều kiện khác khi tiến hành trắc nghiệm là đồng đều giữa các lần thực nghiệm.

Kết quả nghiên cứu được xử lý theo hai bước:

- **Bước 1:** Chấm điểm cho từng phiếu. Test gồm 60 bài tập, mỗi bài 1 điểm, điểm tối đa có thể đạt được là 60 điểm. Sau đó đối chiếu với điểm kỳ vọng cho từng bộ và cho toàn bộ để loại bỏ những phiếu không đáp ứng đầy đủ những yêu cầu nghiêm ngặt của test.

- **Bước 2:** Xử lý số liệu thu được bằng toán thống kê xác suất và phân tích số liệu để đưa ra những nhận xét theo mục đích nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu

1. Sự phát triển trí tuệ theo giới của học sinh nông thôn

Nghiên cứu trên 480 học sinh trường phổ thông trung học cơ sở nông thôn của tỉnh Bình Định, gồm 240 học sinh nữ và 240 học sinh nam. Số học sinh được chọn đồng đều ở các khối lớp 6,7,8,9. Mỗi khối lớp gồm 120 học sinh , trong đó 60 học sinh nam và 60 học sinh nữ.

Nhìn chung, điểm trí tuệ trung bình của học sinh nông thôn là thấp hơn nhiều so với mức chuẩn quốc tế. Điều đó cho thấy ở nông thôn nước ta, trí tuệ của học sinh chậm phát triển.

Ở từng khối lớp, điểm trí tuệ trung bình của học sinh nông thôn cũng thấp hơn điểm chuẩn rất nhiều. Song càng lên các lớp trên thì sự chênh lệch đó càng giảm đi, cho thấy tốc độ phát triển trí tuệ của học sinh nông thôn tương đối nhanh.

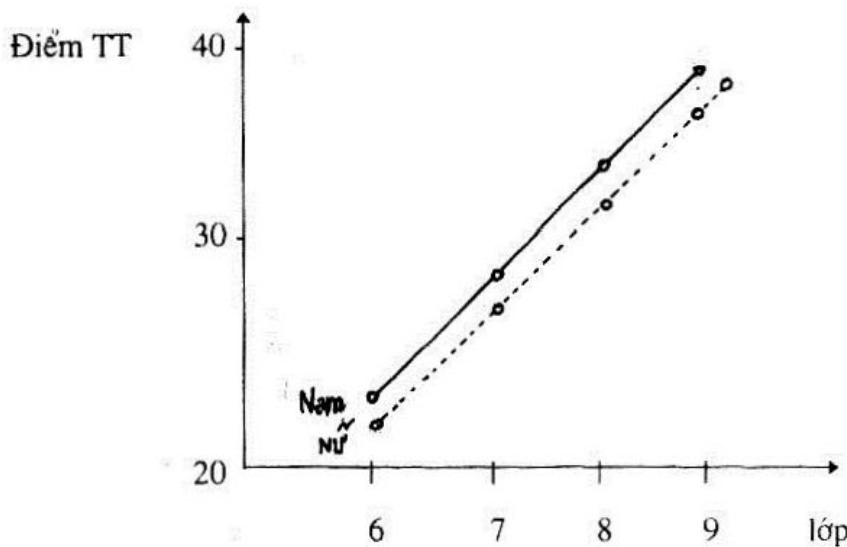
Bảng 1. Điểm trí tuệ trung bình của học sinh phổ thông trung học cơ sở nông thôn

Lớp	Điểm chuẩn	Điểm trí tuệ trung bình			
		Tổng số	Nam	Nữ	Chênh lệch nam - nữ
6	35	22,37	22,78	21,95	0,83
7	39	28,31	28,78	27,83	0,95
8	43	33,27	33,80	32,73	1,07
9	44	38,68	39,02	38,35	0,67
Cả trường	40,02	30,66	31,10	30,22	0,88

Xét toàn trường, điểm trí tuệ của học sinh nam (31,10) và học sinh nữ (30,22), chênh nhau 0,88 điểm. Sự chênh lệch này không có ý nghĩa về mặt thống kê. Do đó có thể định rằng kết quả hoạt động trí tuệ của học sinh nam so với học sinh nữ không có sự khác nhau đáng kể.

Ở từng khối lớp, sự chênh lệch điểm trí tuệ trung bình của học sinh nam so với học sinh nữ cũng không đáng kể. Cụ thể là ở lớp 6 điểm trí tuệ trung bình của học sinh nam cao hơn so với nữ là 0,83 điểm; Lớp 7 - 0,95; Lớp 8 - 1,07 và lớp 9: 0,67.

Sự phát triển trí tuệ của học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 là một quá trình liên tục và tương đối đồng đều (hình 1). Ở nhóm học sinh nam và học sinh nữ, tốc độ phát triển trí tuệ tương tự nhau.



Hình 1. Sự phát triển trí tuệ của học sinh phổ thông trung học cơ sở nông thôn.

Nghiên cứu sự phát triển trí tuệ của học sinh phổ thông trung học (lớp 11 nông Hà Tĩnh) cho thấy:

Trong số 152 học sinh được nghiên cứu có 98 học sinh nam với điểm trí tuệ trung bình là 43,51 và 44 học sinh nữ với điểm trí tuệ trung bình là 42,98. Điểm trí tuệ trung bình của học sinh nam cao hơn so với học sinh nữ là 0,53 điểm. Sự chênh lệch này không có ý nghĩa về mặt thống kê. Điều đó cho phép xác nhận rằng khả năng hoạt động trí tuệ của học sinh nam và học sinh nữ lớp 11 phổ thông trung học nông thôn không khác nhau. Điểm trí tuệ trung bình của học sinh nam và học sinh nữ đều thấp hơn so với điểm chuẩn (44 điểm).

n sự khác biệt này cũng không lớn như sự khác biệt giữa điểm trí tuệ của học sinh phổ thông trung học cơ sở nông thôn so với điểm chuẩn.

Lại, học sinh nông thôn ở hai địa điểm nghiên cứu trên đều có điểm trí tuệ trung bình hơn điểm chuẩn, cho thấy trí tuệ của học sinh nông thôn là chậm phát triển hơn so với bình quân quốc tế. Điểm trí tuệ trung bình của học sinh nam và học sinh nữ ở trường phổ thông trung học cơ sở và phổ thông trung học nông thôn không khác nhau. Tốc độ phát triển trí tuệ của học sinh nông thôn cũng không khác nhau giữa nam và nữ. Ở cả học sinh nam và học sinh nữ tốc độ phát triển trí tuệ tương đối lớn, cho nên càng lên các lớp trên sự chênh lệch điểm trí tuệ trung bình của học sinh nông thôn Việt Nam càng gần với điểm chuẩn hơn.

Sự phát triển trí tuệ của học sinh thành phố theo giới tính

Nghiên cứu được tiến hành ở 647 học sinh phổ thông THCS, 111 học sinh tiểu học và 48 học sinh phổ thông trung học của thành phố Hà Nội.

Trong số 647 học sinh phổ thông THCS có 345 học sinh nam với điểm trí tuệ trung bình là 43,43 và 302 học sinh nữ với điểm trí tuệ trung bình là 43,16. Điểm trí tuệ trung bình của học sinh nam học sinh cao hơn nữ học sinh là 0,27 điểm.

Bảng 2. Điểm trí tuệ trung bình của học sinh PTHCS thành phố theo giới tính

Lớp	Điểm	Điểm trí tuệ trung bình						Chênh lệch nam - nữ
		Tổng số		Nam		Nữ		
		n	x	n	x	n	x	
6	35	190	40,94	98	41,25	92	40,60	0,65
7	39	173	42,78	100	42,84	73	42,70	0,14
8	43	164	44,62	87	44,66	77	44,57	0,09
9	44	120	46,02	60	46,20	60	45,83	0,37
trung bình	40	647	43,30	345	43,43	302	43,16	0,27

Nhìn chung, điểm trí tuệ trung bình của học sinh phổ thông trung học cơ sở thành phố Hà Nội cao hơn điểm chuẩn. Điều đó cho thấy trí tuệ của học sinh PTHCS của thành phố Hà Nội rất phát triển. Ở cả hai nhóm học sinh nam và nữ đều có điểm trí tuệ cao hơn điểm chuẩn.

Điểm trí tuệ trung bình của học sinh nam cao hơn học sinh nữ 0,27 điểm. Sự chênh lệch này không có ý nghĩa về mặt thống kê. Như vậy, sự khác biệt điểm trí tuệ trung bình của học sinh nam và học sinh nữ là không đáng kể. Nói cách khác hoạt động trí tuệ của học sinh nam và học sinh nữ không khác nhau.

Xét ở từng khối lớp cũng cho kết quả tương tự. Cụ thể là sự chênh lệch điểm trí tuệ trung bình của nam và nữ học sinh của từng khối lớp đều rất nhỏ: lớp 6 - 0,65; lớp 7 - 0,14; lớp 8 - 0,09 và lớp 9 - 0,37.

Sự phát triển trí tuệ của học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 là một quá trình liên tục và tương đối đồng đều, ở học sinh nam và học sinh nữ cũng tương đương nhau. Tuy nhiên, tốc độ phát triển trí tuệ của học sinh nông thôn có chậm hơn so với học sinh PTHCS thành phố.

Trong số 148 học sinh lớp 11 phổ thông trung học thành phố Hà Nội có 59 học sinh nam với điểm trí tuệ trung bình là 49,09 và 89 học sinh nữ với điểm trí tuệ trung bình là 49,25.

So với điểm chuẩn (44 điểm) thì điểm trí tuệ trung bình của học sinh lớp 11 thành phố Hà Nội cao hơn nhiều (khoảng 5 điểm). Như vậy, trí tuệ của học sinh nam, nữ lớp 11 thành phố Hà Nội phát triển tương đối cao. Điểm trí tuệ trung bình của học sinh nữ cao hơn so với học sinh nam là 0,10 điểm. Sự chênh lệch này không có ý nghĩa về mặt thống kê. Điều đó cho phép xác nhận rằng sự phát triển trí tuệ của học sinh nam và học sinh nữ lớp 11 thành phố Hà Nội khác nhau không đáng kể.

Trong số 111 học sinh lớp 1 phổ thông tiểu học có 61 học sinh nam với điểm trí tuệ trung bình là 20,10 và 50 học sinh nữ với điểm trí tuệ trung bình là 20,92. So với điểm chuẩn (14) thì điểm trí tuệ trung bình của học sinh nam, nữ lớp 1 tiểu học thành phố Hà Nội khá phát triển. Điểm trí tuệ trung bình của học sinh nữ cao hơn học sinh nam là 0,82 điểm. Sự chênh lệch này cũng không có ý nghĩa về mặt thống kê nên có thể nhận xét rằng trí tuệ của học sinh lớp 1 thành phố Hà Nội không có sự khác nhau giữa nam và nữ.

Tóm lại, nghiên cứu trên 906 học sinh các cấp tiểu học, phổ thông trung học cơ sở và phổ thông trung học cho thấy rằng trí tuệ của học sinh thành phố Hà Nội phát triển ở mức cao, giữa học sinh nam và học sinh nữ không có sự khác biệt về chỉ tiêu này.

3. Sự phát triển trí tuệ của sinh viên tại chức trường Đại học Sư phạm -

ĐHQGHN theo giới tính

Nghiên cứu được tiến hành trên 362 sinh viên tại chức trường Đại học Sư phạm - ĐHQG Hà Nội, ngành giáo dục tiểu học. Trong đó có 199 sinh viên nam và 163 sinh viên nữ. Đó là sinh viên thuộc 6 lớp tại chức đặt tại các tỉnh An Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang, Vũng Tàu. Sinh viên thuộc các lớp này có tuổi đời từ 20 đến 44 và đều là giáo viên cấp tiểu học.

Kết quả nghiên cứu được trình bày ở bảng 3

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm trí tuệ trung bình của cả hai nhóm sinh viên nam (48,30 điểm) và sinh viên nữ (48,45 điểm) đều cao hơn nhiều so với điểm chuẩn (42 điểm). Như vậy trình độ phát triển trí tuệ của sinh viên tại chức khá cao.

So với sinh viên nam, nhóm sinh viên nữ có điểm trí tuệ trung bình cao hơn 0,15 điểm. Tuy nhiên, sự chênh lệch này không có ý nghĩa về mặt thống kê. Ở từng nhóm tuổi thì điểm trí tuệ trung bình của sinh viên nam và sinh viên nữ cũng xấp xỉ bằng nhau. Cụ thể điểm trí tuệ trung bình của nữ sinh viên giảm dần từ 49,59 điểm ở nhóm tuổi 20 - 24 xuống còn 47,16 điểm ở nhóm tuổi 40 - 44 tuổi. Còn điểm chuẩn tương đương là 44 điểm ở nhóm 20 - 24 tuổi giảm xuống còn 38 điểm ở nhóm 40 - 44 tuổi.

Cũng giống như quy luật chung, ở các nhóm sinh viên nữ lớn tuổi, kết quả hoạt động trí tuệ giảm dần. Tuy nhiên tốc độ giảm của nữ sinh viên có chậm hơn so với tốc độ giảm của sinh viên nam. Cụ thể là điểm trí tuệ trung bình của nữ sinh viên giảm dần từ 49,59 điểm ở nhóm tuổi 20 - 24 xuống còn 47,16 điểm ở nhóm 40-44 tuổi. Còn điểm chuẩn tương đương là 44 điểm ở nhóm 20-24 tuổi giảm xuống còn 38 điểm ở nhóm 40-44 tuổi.

Bảng 3. Điểm trí tuệ trung bình của sinh viên theo giới tính

Tuổi	Điểm chuẩn	Điểm trí tuệ trung bình						Chênh lệch nam - nữ
		Tổng số		Nam		Nữ		
		n	x	n	x	n	x	
15-24	44	54	49,43	15	49,00	39	49,59	- 0,59
15-29	44	113	49,21	61	49,48	52	48,90	0,58
15-34	42	104	47,79	74	47,82	30	47,73	0,12
15-39	40	63	47,29	40	47,18	23	47,16	- 0,30
15-44	38	28	47,43	9	48,00	19	47,16	0,84
		362	48,37	199	48,30	163	48,45	- 0,15

Kết luận

Kết quả nghiên cứu trên 1538 học sinh phổ thông và 362 sinh viên đại học sư phạm thấy:

Học sinh phổ thông nông thôn có trình độ phát triển trí tuệ thấp hơn so với chuẩn quốc tế, còn học sinh phổ thông thành phố Hà Nội có trí tuệ phát triển cao hơn chuẩn quốc tế. Kết quả cho thấy học sinh nam, nữ thành phố Hà Nội có trí tuệ phát triển cao hơn hẳn so với học sinh nông thôn. Sở dĩ như vậy là vì sự phát triển trí tuệ phụ thuộc vào môi trường sống và nhiều yếu tố như: chế độ dinh dưỡng, thể lực, điều kiện sống, điều kiện học tập, điều kiện vui chơi giải trí, hoạt động xã hội,... học sinh Hà Nội có nhiều thuận lợi về hầu hết mọi phương diện nên trí tuệ của các em phát triển tương đối sớm. Điều này thể hiện ở điểm trí tuệ trung bình của học sinh thành phố Hà Nội cũng đã cao hơn điểm chuẩn khá nhiều.

Tuy trí tuệ phát triển chậm, nhưng tốc độ phát triển trí tuệ của học sinh phổ thông nông thôn lại cao hơn so với học sinh thành phố Hà Nội. Vì vậy, càng lên các lớp học sự chênh lệch điểm trí tuệ trung bình giữa học sinh nông thôn và học sinh thành phố sẽ giảm xuống.

Sự chênh lệch điểm trí tuệ trung bình giữa học sinh nam học sinh nữ là không đáng kể chứng tỏ sự phát triển trí tuệ của học sinh, sinh viên không phụ thuộc vào giới tính. Học sinh viên nữ cũng có khả năng hoạt động trí tuệ như nam giới. Nếu có đủ điều kiện để học tập, chắc chắn học sinh, sinh viên nữ cũng đạt kết quả không thua kém gì học sinh, sinh viên nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ngô Công Hoàn (chủ biên), Nguyễn Thị Kim Quý. *Trắc nghiệm tâm lý*, tập I, Những trắc nghiệm nhận thức. Hà Nội, 1993.
 Ngô Công Hoàn. *Một số kết quả nghiên cứu sự phát triển trí tuệ ở học sinh phổ thông*. Tạp chí Thông tin khoa học giáo dục, số 26, Bộ giáo dục và đào tạo, Hà Nội, 1991.

3. Tạ Thuý Lan - Võ Văn Toàn. *Bước đầu nghiên cứu khả năng hoạt động trí tuệ của sinh cấp II Quy Nhơn*. Thông báo khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2 - 1995.
4. Tạ Thuý Lan, Trần Thị Loan. *Nghiên cứu, đánh giá sự phát triển trí tuệ của học sinh trường phổ thông trung học cơ sở ĐH*. Thông báo Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội, số 5 - 1995.
5. Trần Thị Loan. *Tìm hiểu trí thông minh của sinh viên tại chức trường đại học Sư phạm Hà Nội*. Thông báo khoa học, Đại học sư phạm Hà Nội, số 5 - 1995.
6. Trần Trọng Thủy. *Tìm hiểu sự phát triển trí tuệ của học sinh bằng test Raven*. Tạp chí nghiên cứu giáo dục, số 6 - 1989.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Soc., Sci., t. XII, n^o3, 1996

ON STUDYING AND EVALUATION OF STUDENT'S INTELLIGENCE DEVELOPMENTS IN THE ACCORDING TO SEXES

TA THUY LAN and TRAN THI LOAN
Teacher's Training College - VNU

The intelligence of primary, lower secondary and secondary school pupils develops evenly. The level of farming pupil's the development is lower than the international standard and Hanoi pupil's one.

The level of Hanoi pupils is high than international standard.

The intelligence of pupils and students is even in both sexes.